

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG H
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/02/2021
V/v “Ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N. Y.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Nhâm.
2. Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H tham gia phiên tòa:

Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 576/2020/TLST – HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Bích Ngọc, sinh năm 1991;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp L, xã Đ, huyện Đông H, tỉnh B.
(Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng chị Dương Bích N trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2012 anh chị tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đông H, tỉnh B.

Nguyên nhân ly hôn: Do mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và hiện anh chị đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh chị cũng không có biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay chị xác định không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn NKhánh Băng, sinh ngày 23/8/2014 và Nguyễn NKhánh Thy, sinh ngày 06/11/2012. Hiện đang sống với chị Ngọc. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Trong quá trình thụ lý, vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tổ tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Nội dung:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Cho chị Dương Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 23/8/2014 và Nguyễn NKhánh Thy, sinh ngày 06/11/2012 cho chị Dương Bích N trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện chị N đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Dương Bích N phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Dương Bích N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã Đ, huyện Đông H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Chị Dương Bích N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012 anh chị tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã triệu tập anh Nguyễn Văn T nhiều lần nhưng anh T không đến. Do đó, anh tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của anh, nên cần chấp nhận theo lời trình bày của chị Ngọc.

Chị N và anh T thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc và trong thời gian sống ly thân cũng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp.

Về con chung: Trong thời gian sống ly thân, 02 con chung do chị N nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Dương Bích N phải nộp án phí số tiền 300.000đ, chị N đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0008078 ngày 18/11/2020 được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Dương Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn N Khánh Băng, sinh ngày 23/8/2014 và Nguyễn Ngọc Khánh Thy, sinh ngày 06/11/2012 cho chị Dương Bích N trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện chị N đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Dương Bích N phải nộp án phí số tiền 300.000đ, chị N đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0008078 ngày 18/11/2020 được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đông H;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị N. Y

